

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện huyện Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Mua sắm vật tư y tế và hóa chất (lần 2) của Bệnh viện huyện Củ Chi** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện huyện Củ Chi.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3.2. Nhận qua email: tothau.bvcc@gmail.com. (Công ty gửi thư bằng báo giá về địa chỉ: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 23 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025.

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:

- Sáng: Từ 07h30 đến 11h30;
- Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ thời hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị). (Đính kèm Phụ lục danh mục hàng hóa).

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện huyện Củ Chi.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 giờ đến 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được đơn đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: không có.

- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu;

Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

Thời hạn thanh toán: 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên Bản nghiệm thu, Mẫu số 08a, Bảng đối chiếu công nợ) của nhà thầu;

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu vui lòng báo giá mẫu (Đính kèm Mẫu báo giá);

- Mô tả đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi khi HĐKH-CN của Bệnh viện có nhu cầu;

- Địa điểm cung cấp hàng hóa sau khi trúng thầu và ký kết hợp đồng: Tại Kho VTYT; Kho hóa chất – Bệnh viện huyện Củ Chi – Địa chỉ: số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM;

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (THTT.02b);



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tô Bảo Hoàng



BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện huyện Củ Chi

"..... (tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh....., số điện thoại liên hệ..... email.....
Căn cứ thông báo mời chào giá của Bệnh viện huyện Củ Chi và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bảng báo giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Mã ký hiệu/ Chứng loại	Thành phần, chứng loại, tiêu chẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/ Nước Chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Phân loại	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Tiêu chẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Giá trung thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trung thầu (nếu có)	Ghi chú
1																						
2																						
TỔNG CỘNG																						

Ghi chú:

- * Theo hướng dẫn tại Công văn số 12609/SYT-KHTC ngày 27/11/2024 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024.
- 1. Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có)
- 2. Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bán giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)
- 3. Báo giá có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày báo giá.
- 4. Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

.....Ngày ... tháng ... năm 2025
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA
Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế và hóa chất (lần 2) của Bệnh viện huyện Củ Chi
(Đính kèm Thông báo số: 4053/TB-BVCC, ngày 23/07/2025)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kèm bấm khâu da	Kèm bấm khâu da sử dụng một lần, được cài sẵn 35 ghim bấm loại rộng. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương	Cái	70,0
2	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh cỡ 12FR dài 15 cm	Catheter dùng để lọc máu cấp bao gồm * Catheter 2 nồng chất liệu polyurethane, có chất cản quang, đường kính 4mm (12 F), dài 17cm, nồng 11/11 (G); thể tích mỗi 1.4 ml; tốc độ tối thiểu 190 (ml/ phút). * Dây dẫn dài 50cm, đường kính 0.89mm, có đầu mũi J chống gấp * Dụng cụ nong 12 Fr * Các bộ phận khác đi kèm: dao mổ, ống tiêm 5ml. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Bộ	30,0
3	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh cỡ 12FR dài 20 cm	Catheter dùng để lọc máu cấp bao gồm * Catheter 2 nồng chất liệu polyurethane, có chất cản quang, đường kính 4mm (12 F), dài 20cm, nồng 11/11 (G); thể tích mỗi 1.4 ml; tốc độ tối thiểu 190 (ml/ phút). * Dây dẫn dài 50cm, đường kính 0.89mm, có đầu mũi J chống gấp. * Dụng cụ nong 12 Fr * Các bộ phận khác đi kèm: dao mổ, ống tiêm 5ml. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Bộ	60,0
4	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần	- Dây truyền dịch an toàn, tự động ngưng truyền khi hết dịch - 20 giọt/ml - Thành phần: nhựa ABS, PVC, không chứa DEHP - Có cổng thông khí với màng lọc vi khuẩn 0.2µm và màng lọc bụi - Bầu nhỏ giọt: 3 phần, 2 ngăn cứng-mềm, đầu nhọn sắc, dễ dàng xuyên qua nút chai dịch truyền và ngăn ngừa nhiễm khuẩn - Bộ dây: dài 180cm, đường kính tối thiểu 3x4,1mm, có cổng chích thuốc trên dây. - Đầu khóa Luer lock * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Bộ	3.000,0
5	Dây truyền máu	Bộ dây truyền máu có kim, không có chất DEHP, không Latex, Có khoá điều chỉnh giọt linh hoạt, kim tiêm sắc nhọn. Cổng tiêm thuốc an toàn chữ Y. Dây truyền làm từ nguyên liệu nhựa y tế. Sản phẩm được tiệt trùng, an toàn trước sử dụng. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Sợi	1.500,0
6	Fuji IX màu A3	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	7,0
7	Đánh bóng composite (đĩa+ dài)	Đầu đánh bóng răng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	40,0
8	Composite lỏng Màu A2	Độ nhớt và độ chảy lỏng tối ưu. Hạt độn vô cơ chiếm 77% Độ cân quang cao. Không chứa Bis-GMA, tương thích sinh học tối ưu. Không nhỏ giọt, thao tác dễ dàng và chính xác cao. Dễ dàng chảy tới vị trí khó tiếp cận. Phục hồi ổn định và tồn tại lâu dài * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
9	Composite lỏng Màu A3	Độ nhớt và độ chảy lỏng tối ưu. Hạt độn vô cơ chiếm 77% Độ cân quang cao. Không chứa Bis-GMA, tương thích sinh học tối ưu. Không nhỏ giọt, thao tác dễ dàng và chính xác cao. Dễ dàng chảy tới vị trí khó tiếp cận. Phục hồi ổn định và tồn tại lâu dài * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
10	Composite lỏng Màu A35	Độ nhớt và độ chảy lỏng tối ưu. Hạt độn vô cơ chiếm 77% Độ cân quang cao. Không chứa Bis-GMA, tương thích sinh học tối ưu. Không nhỏ giọt, thao tác dễ dàng và chính xác cao. Dễ dàng chảy tới vị trí khó tiếp cận. Phục hồi ổn định và tồn tại lâu dài * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
11	Composite lỏng Màu A4	Thành phần có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, cân quang, chỉ định cho phục hồi bằng kỹ thuật dán Thẩm mỹ đỉnh cao: đánh bóng dễ dàng và lưu giữ tốt hơn Tạo bề mặt sáng bóng, đồng nhất nhờ cấu trúc hạt độn đặc biệt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
12	Composite đặc Màu A2	Thành phần có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, cân quang, chỉ định cho phục hồi bằng kỹ thuật dán Thẩm mỹ đỉnh cao: đánh bóng dễ dàng và lưu giữ tốt hơn Tạo bề mặt sáng bóng, đồng nhất nhờ cấu trúc hạt độn đặc biệt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Composite đặc Màu A3	Thành phần có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, cân quang, chỉ định cho phục hồi bằng kỹ thuật dán Thẩm mỹ đỉnh cao: đánh bóng dễ dàng và lưu giữ tốt hơn Tạo bề mặt sáng bóng, đồng nhất nhờ cấu trúc hạt độn đặc biệt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
14	Composite đặc Màu A35	Thành phần có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, cân quang, chỉ định cho phục hồi bằng kỹ thuật dán Thẩm mỹ đỉnh cao: đánh bóng dễ dàng và lưu giữ tốt hơn Tạo bề mặt sáng bóng, đồng nhất nhờ cấu trúc hạt độn đặc biệt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
15	Composite đặc Màu A4	Thành phần có chứa các hạt thủy tinh siêu mịn, cân quang, chỉ định cho phục hồi bằng kỹ thuật dán Thẩm mỹ đỉnh cao: đánh bóng dễ dàng và lưu giữ tốt hơn Tạo bề mặt sáng bóng, đồng nhất nhờ cấu trúc hạt độn đặc biệt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuýp	3,0
16	Mũi peeso số 1	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
17	Mũi peeso số 2	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
18	Mũi peeso số 3	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
19	Mũi peeso số 4	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
20	Mũi gates số 1	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
21	Mũi gates số 2	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
22	Mũi gates số 3	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
23	Mũi gates số 4	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Làm bằng thép không gỉ. Độ dài: 28mm, 32mm, 38mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
24	Lentulo màu đỏ dài 21mm	Đây là dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuôi bằng thép không gỉ. Các số: #25, 30, 35, 40, chiều dài 21mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
25	Lentulo màu đỏ dài 25mm	Đây là dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuôi bằng thép không gỉ. Các số: #25, 30, 35, 40, chiều dài 25mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	3,0
26	Sơ đánh bóng nha chu	Giúp đánh bóng, làm sạch răng sau điều trị viêm nha chu. Hộp 200 cái * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Con	100,0
27	Etching	Etching dạng gel chứa 37% H ₃ PO ₄ và thành phần polymer giúp phân biệt rõ ràng giữa các vùng răng cần xói mòn. Hiệu quả xói mòn tốt bề mặt men răng, ngà răng. Dễ thao tác và sử dụng. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Ông	10,0
28	Bonding	Sử dụng trong phục hình trực tiếp hoặc gián tiếp bằng Composite. Sửa mối hàn composite bị nứt vỡ. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Chai	4,0
29	Cọ bonding	Cọ quét keo với đầu lông mịn, không rụng lông tơ khi sử dụng, không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	4,0
30	Giấy cắn 2 mặt	Giấy cắn ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng - Chất liệu: giấy, nhiều màu: xanh, xanh đen, đỏ - Độ dày: > 100µm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
31	Cone protaper F1	Cone chính Gutta Percha F1 dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	4,0
32	Cone protaper F2	Cone chính Gutta Percha F2 dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	4,0
33	Cone protaper F3	Cone chính Gutta Percha F3 dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	4,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
34	Cone phụ A	Cone phụ được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
35	Cone phụ B	Cone phụ được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
36	Cone phụ C	Cone phụ được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
37	Kim tẽ 27 dài 21mm	Kim gây tê nha khoa loại 27G - Mũi kim 2 diện cắt, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén - Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong - Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt - Chiều dài: 12mm → 25mm - Đường kính: > 0.4mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	7,0
38	Kim tẽ 27 dài 30mm	Kim gây tê nha khoa loại 27G - Mũi kim 2 diện cắt, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén - Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong - Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt - Chiều dài: 12mm → 25mm - Đường kính: > 0.4mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	7,0
39	Ống hút nước bọt	Một ống nhựa PVC trong suốt hoặc có nhiều màu trong suốt và không trong suốt, khung sắt được mạ kẽm hoặc đồng (dây luôn trên thành ống) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Bịch	15,0
40	Cone giấy Số 20	Cone giấy sử dụng để lau khô ống tủy trước khi trám bít * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
41	Cone giấy Số 25	Cone giấy sử dụng để lau khô ống tủy trước khi trám bít * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
42	Trâm tay số 8 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
43	Trâm tay số 8 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
44	Trâm tay số 10 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
45	Trâm tay số 10 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
46	Trâm tay số 15 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
47	Trâm tay số 15 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
48	Trâm tay số 20 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
49	Trâm tay số 20 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
50	Trâm tay số 25 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
51	Trâm tay số 25 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
52	Trâm tay số 30 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
53	Trâm tay số 30 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
54	Trâm tay số 35 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
55	Trâm tay số 35 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
56	Trám tay số 40 dài 21mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
57	Trám tay số 40 dài 25mm	Đây là công cụ nha khoa cầm tay chuyển động quay được dùng để mở rộng khe tủy và tạo độ phẳng và mịn cho thành khe tủy bằng cách cắt ngang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	5,0
58	Vật liệu trám và tái tạo ống tủy	Dùng để trám bít tủy răng, sửa chữa các ống tủy, sửa chữa lỗ thủng chân răng trong quá trình điều trị tủy răng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Ông	5,0
59	Chất bôi trơn ống tủy (GLYDE)	Hộp chất bôi trơn ống tủy Glyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tuyp	5,0
60	Chỉ cơ nướu 00	Chỉ cơ nướu EasyCord làm từ 100% các sợi cotton đan vào nhau với một cấu trúc đặc biệt, không ngấm tẩm bất kì hóa chất gì. Lấy chỉ dễ dàng và vệ sinh với thước đo và lưỡi dao cắt tích hợp trên lọ. Lọ 330mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
61	Mũi khoan kim cương (Búp lửa viền xanh)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
62	Mũi khoan kim cương (Búp lửa viền vàng)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
63	Mũi khoan kim cương (Trụ mài củi viền vàng)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
64	Mũi khoan kim cương (Trụ mài củi viền xanh)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
65	Mũi khoan kim cương (Trụ nhọn mài củi viền xanh)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
66	Mũi khoan kim cương (Trụ ngắn mài củi viền vàng)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
67	Mũi khoan kim cương (Trụ ngắn mài củi viền xanh)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
68	Mũi khoan kim cương (Tròn lớn)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
69	Mũi khoan kim cương (Tròn trung)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
70	Mũi khoan kim cương (Tròn nhỏ)	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi bằng thép không gỉ, dùng để khoan các mô cứng như răng và xương... * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Vĩ	10,0
71	Dầu tra tay khoan	Hạt dầu siêu mịn - bôi trơn tuyệt đối Các chất diệt trùng - vệ sinh hoàn toàn Nắp xịt hoàn hảo - không lãng phí * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	1,0
72	Thuốc trám tạm	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	5,0
73	Mũi khoan cắt xương 702	Mũi khoan mài xương 702 dùng để điều trị các bệnh về nha khoa như: Khoan cắt răng, phục hình răng, phẫu thuật, làm sạch lỗ sâu răng, khoan cắt xương hàm, mài tạo củi răng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Mũi	100,0
74	Cao su lỏng (HD) hoặc tương đương	Cao su lỏng Silagum Light dùng cho súng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	5,0
75	Cao su đặc (ELITE HD) hoặc tương đương	Cao su đặc lấy dấu Silagum * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	2,0
76	Thạch cao vàng (Planet) hoặc tương đương	Là vật liệu dùng để lấy dấu, lấy nỉ (lấy mẫu ban đầu) của hàm, răng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Gói	5,0
77	Chất lấy dấu alginate (Tropical) hoặc tương đương	Chất lấy dấu nha khoa Alginate với khả năng lấy dấu chính xác, mùi hương dễ chịu. Dễ dàng sử dụng và gỡ bỏ khỏi khay lấy dấu mà không ảnh hưởng đến mẫu. Tương thích với tất cả các loại thạch cao. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Gói	10,0
78	Sáp lấy vảnh khít (Patondeke)	Dễ làm mềm, độ nhớt vừa đủ để lấy dấu chính xác nhưng không chảy lan tràn gây khó chịu. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	5,0
79	Súng trộn cao su lỏng (DMG) hoặc tương đương	Được làm từ nhựa với thiết kế đặc biệt. Giúp trộn đều và lấy các vật liệu lấy dấu răng trong nha khoa ra khỏi hộp chứa vật liệu. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cây	1,0
80	Vật liệu làm răng tạm Veneer (Luxatemp) hoặc tương đương	Là Vật liệu phục hình tạm hoàn hảo. Độ bền và độ cứng cao. Bền màu tuyệt vời. Không tiềm ẩn khả năng gây dị ứng. Phù hợp cho phục hình tạm lâu dài * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	10,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
81	Cao su	- Sản xuất tại các nước trong nhóm G7 - Quy cách: Hộp 2 tuýp x 90m. Cao su lông Elite HD+ hoặc tương đương có nhiều ưu điểm, được sử dụng rộng rãi để lấy dấu các chi tiết trong phục hình cố định và phục hình tháo lắp - Khả năng chống biến dạng cao - Phục hồi đàn hồi tuyệt vời - Ổn định kích thước tốt - Các chi tiết lấy dấu rõ ràng, sắc nét * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	10,0
82	Cao su	- Sản xuất tại các nước trong nhóm G7 - Cao su đặc Elite HD+ hoặc tương đương dùng lấy dấu phục hình cố định (mão, cầu...) và phục hình tháo lắp - Dễ trộn (tỉ lệ 1:1), dễ sử dụng - Dấu chính xác, độ ổn định cao, đàn hồi tốt * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	10,0
83	Cao su	Lông (DMG) trộn súng hoặc tương đương Mẫu dấu có thể được bảo quản trong thời gian dài Khả năng phục hồi lại tuyệt vời Ưu nước, màu tương phản cao giữa các độ nhớt khác nhau Được thiết kế cho tất cả các trường hợp lấy dấu trong nha khoa Có 2 dạng: đồng chuẩn và đồng nhanh * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Ông	50,0
84	Cao su	Sản xuất tại các nước trong nhóm G7 Quy cách: Hộp 02 hũ (262ml) catalyst và base Silagum được biết đến nhiều năm qua như một bằng chứng lâm sàng về độ tin cậy, ổn định của vật liệu lấy dấu nền VPS Silagum với đặc tính ưa nước, đem đến khả năng tương thích tối ưu với những phần mô cứng và màng nhầy trong môi trường ẩm trong miệng. Kết hợp với độ nhớt chảy lỏng, những khu vực dưới nước vật liệu vẫn có thể len lỏi và đem lại kết quả lấy dấu tuyệt đối chi tiết, chính xác ngay cả với những bề mặt mịn nhất. Thêm vào đó với độ đàn hồi cao giúp cho việc gỡ mẫu dấu ra khỏi miệng bệnh nhân dễ dàng hơn. Bất kỳ một sự biến dạng nào cũng đều được phục hồi một cách an toàn, nhờ vậy đảm bảo khả năng phục hồi một cách tin cậy Silagum Putty nền dùng cùng cao su lông Mẫu dấu có thể được bảo quản trong thời gian dài Khả năng phục hồi lại tuyệt vời Ưu nước, màu tương phản cao giữa các độ nhớt khác nhau Được thiết kế cho tất cả các trường hợp lấy dấu trong nha khoa Đặc (DMG) hoặc tương đương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	5,0
85	Sáp cắn	Sản xuất tại Việt Nam Quy cách: Hộp 10 cây Chỉ định: Sáp dùng làm phục hình tháo lắp trong labo nha khoa Mô tả: Sử dụng bộ dao làm sáp 10 chi tiết hỗ trợ điều khắc, cắt sáp Sử dụng đèn cồn để làm mềm sáp Sáp cây thường được sử dụng để làm gổ sáp cho các trường hợp mất răng toàn hàm Sáp lá hồng. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	20,0
86	Sáp lấy vành khít	Sản xuất tại các nước trong nhóm G7 Sáp vành khít dùng lấy dấu đầy hành lang khi thực hiện hàm tháo lắp Dễ làm mềm, độ nhớt vừa đủ để lấy dấu chính xác nhưng không chảy lan tràn gây khó chịu Dạng cây nhựa dẻo. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	10,0
87	Xi măng gắn sứ	Sản xuất tại các nước trong nhóm G7 Đồng gói: Hộp 15g (Bột 8g + Nước 6,5ml) Xi măng gắn phục hình Dễ trộn và dễ thao tác như các xi măng truyền thống khác Đặc tính kỹ thuật tương tự như xi măng resin. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Hộp	5,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
88	Xi măng gắn sứ	Bám dính tốt với ngà răng: Glass ionomer bám dính tốt với ngà răng ngoài mỗi nối với ion calcium, glass ionomer còn nối vào cấu trúc men răng qua mỗi nối với amino acid và với gốc carboxyl của nhóm collagen. Gắn đây, glass ionomer còn được cải tiến thêm mỗi nối resin 4 META monomer. - Bám dính tốt với men răng chất trám này làm tăng tính bám dính - Hạn chế vi khuẩn. - Tương hợp sinh học với tủy - Phóng thích fluoride - Dưới tác dụng của acid, ion thủy tinh được phóng thích và di chuyển. - Cation liên kết với nhiều anion thành muối trầm hiện làm hỗn hợp đông rắn lại. - Các muối bị hydrate hóa làm hợp chất càng cứng chắc. - Polyalkenoic acid và aluminosilicate glass đều có khả năng đa dạng đáng kể. Có nhiều loại glass ionomer và vật liệu này có tiềm năng phát triển rất mạnh. - Glass ionomer ngày nay gồm 4 thành phần: hạt thủy tinh, polyacid, tartaric acid và nước. Trong vài công thức, chất bột gồm các hạt thủy tinh mờ, phần chất lỏng là polyacid và tartaric acid. Công thức khác có chất bột là hỗn hợp của bột thủy tinh và polyacid khô, chất lỏng ít nhớt là dung dịch tartaric acid. Vài công thức khác có chất bột là hỗn hợp chung gồm cả tartaric acid, còn chất lỏng chỉ đơn thuần là nước. Loại glass ionomer thể hệ đầu đông đặc chậm và miêng trám dễ bị hư trong môi trường ẩm, độ cứng dẻo thấp và dễ bị mài mòn ở vùng chịu nhiều lực nhai. do vậy giới chuyên khoa không thích sử dụng.	Hộp	5,0
89	Bộ mài mài veneer	Tính năng đặc biệt của bộ mài mài veneer Các điểm đánh dấu độ sâu được thiết kế đặc biệt xác định độ sâu cần mài (0,3 và 0,4mm). kết quả là đạt độ sâu 0,4 hoặc 0,5 mm ở sửa soạn sau cùng sau khi hoàn tất. Bộ chuyên gia phục hình veneer này bao gồm: mài thuận hạt trung bình (100 µm) kim cương mài thô và các mài hoàn tất hạt mịn (30 µm) để phù hợp với các mài đánh dấu độ sâu. Các mài đánh dấu độ sâu, mài thô, và hoàn tất đều có kích thước đồng dạng (thuôn với đầu tròn). Hai kích cỡ phối hợp bao phủ tất cả các chỉ định trong vùng răng trước. Đầu mài thô kim cương hình trứng và dụng cụ hoàn tất tương ứng cho phép sửa soạn những veneer mặt trong điều chỉnh chức năng. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Bộ	20,0
90	Alginate	Sản xuất tại các nước trong nhóm G7 Quy cách: gói 453g. Thùng 12 gói. Vật liệu lấy dấu răng giả Alginate là loại polymer sinh học biến phong phú nhất thế giới và là loại polymer sinh học nhiều thứ hai trên thế giới sau cellulose. Và được phát hiện đầu tiên bởi Stanford, là một acid hữu cơ có trong tảo nâu, trọng lượng phân tử từ 32000 – 200000. polymer có tính chất acid yếu, không màu, không mùi, không tan trong các dung môi hữu cơ và nước. Là chất có tính chất hút nước trương nở khi ngâm trong nước. Alginate hòa tan trong dung dịch kiềm hóa trị I và tạo dung dịch muối kiềm hóa trị I hòa tan có độ nhớt cao. Muối kiềm hóa trị II không tan. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Gói	20,0
91	Ống bơm cao su lỏng	Sản xuất tại Việt Nam Quy cách: 01 ống bơm + 01 vòi Ống bơm cao su lỏng được dùng trong quá trình lấy dấu bằng cao su lỏng. Dễ sử dụng và làm sạch. Chiều dài : 115mm (± 5mm). <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Cái	4,0
92	Đai nhám kẽ	Đai nhám kẽ được phủ hạt mài mòn oxit nhôm, rất linh hoạt, khó bị rách. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Hộp	1,0
93	Cement gắn tạm	Thành phần Base: hỗn hợp dầu thực vật với magnesium oxide và zinc oxide. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Hộp	5,0
94	Cassette chủ động cho hệ thống phẫu thuật phaco	Cassette sử dụng cho máy Centurion của Bệnh viện đang sử dụng. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Cái	60,0
95	Dung dịch vô trùng sử dụng trong phẫu thuật nhãn khoa	Là dung dịch muối sinh lý vô trùng, sử dụng thương thích với cassette chủ động cho máy Centurion của Bệnh viện đang sử dụng. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.</u>	Bịch	240,0
96	Cây đặt nội khí quản khó (Bougie) cho người lớn/ trẻ em	- Có vạch chia độ để xác định độ sâu khi luồn vào - Đầu ống cong hình khuỷu giúp giảm chấn thương - Cờ người lớn từ 6mm đến 11mm. - Cờ trẻ em từ 4mm đến 6mm. <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.</u>	Cây	36,0
97	Dây nối ống thở dùng cho máy thở	Dài 15cm, đầu nối 22mm/15mm, có thể co giãn để giảm thiểu khoảng chết - Đầu nối xoay kép 360 độ - Nắp kép: nắp lật có cổng 8mm để kết nối các đầu dò tiêu chuẩn, cổng 4mm cho các đường lấy mẫu khí <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.</u>	Bộ	2.000,0
98	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Vật liệu PVC y tế, không gây kích ứng <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.</u>	Sợi	2.000,0
99	Ống mở khí quản 2 nồng	Ống mở khí quản 2 nồng, có hoặc không có cửa sổ. Nồng trong có thể tháo rời để vệ sinh dễ dàng. Chất liệu mềm mại, nhân bóng tránh tổn thương lỗ mở khí quản <u>* Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.</u>	Cái	516,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
100	Lọc vi sinh cho điều áp hút	Lọc vi sinh cho máy điều áp hút. Thiết bị được tiệt trùng. Hiệu suất lọc lên đến 99,97%. *Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	600,0
101	Mask gây mê các số 0-5	* Mặt nạ gây mê chất liệu PVC. * Dây đủ size cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh tương ứng các số 0, 1,2,3,4,5. Không chứa latex. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	170,0
102	Ống dẫn lưu màng phổi	Chất liệu PVC dài gắn với đầu nối được đưa qua thành ngực và vào khoang màng phổi hoặc trung thất. * Kích cỡ: 28FR, 32FR. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	100,0
103	Ống đặt nội khí quản có bóng, không bóng các số	Ống đặt nội khí quản các cỡ 3.0-8.0 Có bóng chèn và không bóng chèn, các số. Đầu ống vát, có cân quang. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	800,0
104	Ống nội khí quản có kênh hút trên cuff các cỡ	Ống nội khí quản có kênh hút trên cuff các cỡ. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	100,0
105	Ống dây cho ăn các cỡ	Ống dây cho ăn bao gồm: có nối dạng phễu bằng vật liệu mềm có độ đàn hồi phù hợp và ống dây bằng nhựa PVC mềm. Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn. * Số 8FG, 10FG, 12 FG, 14FG, 16 FG, 18FG. Chiều dài 125cm. * Tiệt trùng EO, không DEHP * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	468,0
106	Ống nối hút dịch 2m	Nhựa PVC * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	4.000,0
107	Ống nội khí quản cong mũi	Ống nội khí quản cong mũi có bóng. Vật liệu PVC không độc hại. Đánh dấu độ sâu chính xác. Đường cân quang. Có nối tiêu chuẩn 15mm. Kích cỡ từ 4,5mm đến 9,0mm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	200,0
108	Lọc khuẩn 3 chức năng cho người lớn và trẻ em	Lọc vi khuẩn, vi rút, ẩm ẩm dùng cho máy thở, có cổng lấy mẫu khí đo CO2. - Vỏ nhựa PP (Polypropylene). - Lọc tĩnh điện + giấy lọc y tế. - Hiệu quả lọc vi khuẩn 99,9998%, virus 99,9998%. - Có nối 22M/15F-22F/15M. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	3.000,0
109	Mask phun khí dung trẻ em, người lớn	Bộ phun khí dung bao gồm: mặt nạ thở, ống dây chống gãy gấp 2m, bầu chứa thuốc, có nối cao. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	1.000,0
110	Mặt nạ thanh quản sử dụng nhiều lần các cỡ	Mặt nạ thanh quản các cỡ 3, 4, 5 Bóng bằng silicon, áp lực tối đa 30cm H ₂ O Có nòng để hút dịch khi cần thiết Có thể hấp tiệt trùng bằng hơi nước và tái sử dụng tối đa 40 lần * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
111	Mặt nạ thanh quản các cỡ	Mặt nạ thanh quản các cỡ 1, 2, 3, 4, 5. Không cần bơm hơi Có kênh đặt ống thông dạ dày Có khung đỡ giúp giữ hình dạng mặt nạ, mã hóa màu theo size * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	50,0
112	Dụng cụ mở đường thở các cỡ	Làm bằng chất liệu PE, đóng gói tiệt trùng, mã hóa màu theo size 0,1,2,3,4. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	700,0
113	Ống thông tiệt trùng	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không mùi, màu sắc tự nhiên, không gây dị ứng. - Dùng để dẫn lưu dịch trong cơ thể ra ngoài. - Tiệt trùng bằng khí EO, Chỉ sử dụng 1 lần. - Chiều dài (mm): 340 ± 5 - Chiều dày (mm): 2 ± 0,4 - Đường kính ngoài (mm): 9 ± 0,7 * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	240,0
114	Ống hút phẫu thuật nhựa	Nhựa PVC, chiều dài 2,5 m. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	15,0
115	Dây nối oxy	Ống dây vật liệu PVC mềm dẻo, mỗi dây được đóng vào từng túi riêng. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Sợi	1.500,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
116	Mặt nạ oxy có túi người lớn, trẻ em	Mask thở oxy có túi, nồng độ cao bao gồm: - Mask thở vật liệu PVC - Co nối Female - Túi trữ khí PVC Folio, van màng silicone độ dày 0,4mm - Dây đeo cổ định dài 48cm - Kẹp mũi nhôm - Dây oxy dài 190cm/210cm - Mask oxy không thở lại, cung cấp 80-100% oxy nồng độ cao, tốc độ dòng 10-15ml/phút - Không DEHP, không latex. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.	Cái	1.320,0
117	Ống thông tiêu 2 nhánh (Foley) các cỡ	Làm từ cao su tự nhiên. Được phủ 1 lớp silicon. Fr12, Fr14, Fr16, Fr18, Fr20, Fr22 (Chiều dài 400mm - ballon: 5cc/10cc/30cc), Fr8, Fr10 (Chiều dài 270mm - ballon 3cc/5cc/10cc/30cc). Đóng gói riêng lẻ từng túi. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	2.400,0
118	Túi nước tiểu có dây treo 2000ml	Làm bằng vật liệu nhựa cao cấp cường lực, có khóa vận 3/4 vòng, dây dẫn dài 0,75m, thể tích 2000 ml, tính năng chống trào ngược có lỗ treo. Dây treo chắc chắn, được kết nối sẵn với túi. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	4.000,0
119	Thông tiêu 1 nhánh Nelaton mã hóa màu, mềm an toàn, các cỡ	- Làm từ cao su tự nhiên. Được phủ 1 lớp silicon. Đóng gói riêng lẻ từng túi. - Các size 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr, 24Fr. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	50,0
120	Thông tiêu Foley 3 nhánh các cỡ	- Làm từ cao su tự nhiên. Được phủ 1 lớp silicon. Đóng gói riêng lẻ từng túi. - Các size 16FR, 18FR, 20FR, 22FR, 24FR, 26FR, 28FR, 30FR. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Sợi	60,0
121	Điện cực tim người lớn	Độ kết dính cố định hoàn hảo thân thiện với da, không gây dị ứng da Gel rắn đảm bảo dòng tín hiệu tín cậy (rõ ràng, không bị nhiễu). * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6.830,0
122	Gel điện tim	Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde và muối. Dung tích chai 250ml. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Chai	60,0
123	Gel siêu âm	Dùng trong siêu âm Trong lượng can 5 kg * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Can	70,0
124	Giấy đo điện tim 63mmx30m	Làm bằng giấy, đường kẻ rõ ràng sắc nét, dùng ghi kết quả đo điện tim Kích thước 63mm x 30m. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cuộn	2.000,0
125	Giấy in nhiệt 57mmx30m	Làm bằng giấy, dùng ghi kết quả đo nhân áp, đo khúc xạ. Kích thước 57mm x 30m. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cuộn	300,0
126	Gel bôi trơn	Không gây kích ứng da. Hòa tan trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn, không độc hại và không có mùi. Được sử dụng trong nội soi, nội soi da dày, nội soi ruột kết, nội soi trực tràng Trọng lượng 82 gram. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Tuýp	100,0
127	Lọ đựng nước tiểu	+ Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Lọ	25.000,0
128	Lọ lấy mẫu vô trùng	* Dùng để đựng mẫu bệnh phẩm: đàm * Dung tích 50ml, nắp đậy có nhân, vô trùng * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Lọ	25.000,0
129	Ống nghiệm Chimigly 2ml	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhân và nắp: Xám + Chất phụ gia: NaF + EDTA + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Ống	9.600,0
130	Ống nghiệm Citrate 2ml	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Màu nhân và nắp: Xanh dương (hoặc xanh lá) + Chất phụ gia: TriSodium Citrate 3.8% (tỉ lệ 9:1) + Thể tích lấy máu: 1.8ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	7.200,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
131	Ống nghiệm EDTA K2 2ml	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Màu nhãn và nắp: tím (hoặc xanh dương) + Chất phụ gia: EDTA K2 + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Chịu được lực quay ly tâm 6.000/ phút trong thời gian 10 phút + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương	Ống	26.400,0
132	Ống nghiệm EDTA K3 0.5 ml nắp bật	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP - Tube Eppendorf 2ml. + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Màu nhãn và nắp: tím + Chất phụ gia: EDTA K3 + Thể tích lấy máu: 0.5ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	2.000,0
133	Ống nghiệm Heparin 2ml	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Màu nhãn và nắp: Xanh lá (hoặc đen) + Chất phụ gia: Lithium Heparin + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	16.800,0
134	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml nắp trắng (Eppendorf 1.5ml)	Ống nghiệm nhựa thể tích 1.5ml có vạch thể tích trên thân ống, nắp bật. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	5.000,0
135	Ống nghiệm Serum 2ml	* Quy cách: 100 ống hộp, được đóng trên hộp để thấp. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Ống	24.000,0
136	Lọ hút đàm kin	Lọ lấy mẫu đàm có dây. Mã hóa màu theo size 8FG (xanh dương), 10FG (đen), 12FG (trắng), 14FG (xanh lá) dung tích 25ml. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	100,0
137	Đầu col vàng, xanh	Nhựa PS. Không khía. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	6.000,0
138	Que lấy bệnh phẩm đựng trong ống nghiệm	Thân que bằng nhựa, 1 đầu gòn, tiết trùng từng cây, dài 16cm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	4.000,0
139	Lọ đựng phân	+ Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm, 65x35mm. + Thể tích 50ml + Giữa thân nắp có muống sử dụng lấy mẫu tiện lợi an toàn. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Lọ	100,0
140	Khuyên cấy nhựa 1μL	+ Dùng cấy mẫu trong vi sinh. Đường kính vòng tròn khuyên cấy tương đương với thể tích 1μL. + Chất liệu nhựa, vô trùng. + Quy cách đóng gói: 25 cái/bịch (mỗi bịch đảm bảo vô trùng) * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	3.000,0
141	Khuyên cấy nhựa 10μL	+ Dùng cấy mẫu trong vi sinh. Đường kính vòng tròn khuyên cấy tương đương với thể tích 10μL. + Chất liệu nhựa, vô trùng. + Quy cách đóng gói: 25 cái/bịch (mỗi bịch đảm bảo vô trùng) + Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	5.000,0
142	Ống nghiệm PS 12x75mm	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PS 12x75mm, không nắp + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Thể tích: 5ml + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Ống	5.000,0
143	Hộp đựng côn xanh	Sử dụng để đựng côn xanh (200-1000 L). Có thể hấp tiết trùng. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO - CE.	Hộp	50,0
144	Hộp đựng côn vàng	Sử dụng để đựng côn vàng (20-100 L). Có thể hấp tiết trùng. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE.	Hộp	50,0
145	Pipet pasteur 3ml vô trùng	Tiết trùng từng cái. Dùng hút vô trùng 1 thể tích mầm cây hay bệnh phẩm. Chiều dài: 162mm, tổng dung tích: 7.5ml * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	5.000,0
146	Chỉ không tan số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương, dài 75cm, kim tam giác. 3/8 vòng tròn DS 16mm. Tiết trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	132,0
147	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp số 3/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 3/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	72,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
148	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp số 4/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) hoặc Polypropylene, số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 22mm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	204,0
149	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp số 5/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) hoặc Polypropylene, số 5/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 17mm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Sợi	108,0
150	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp số 7/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5) hoặc Polypropylene, số 7/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 17mm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO	Sợi	108,0
151	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp số 2/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene số 2/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 26mm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	120,0
152	Chỉ không tan số 0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương, chỉ số 0, dài 75cm, kim tam giác. 3/8 vòng tròn DS 26mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	84,0
153	Chỉ không tan số 1	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Chỉ số 1, dài 75cm, kim tam giác. 3/8 vòng tròn DS 30mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	132,0
154	Chỉ không tan số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tam giác. 3/8 vòng tròn DS 26mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Sợi	1.056,0
155	Chỉ không tan số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tam giác. 3/8 vòng tròn DS 26mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	2.556,0
156	Chỉ không tan số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Chỉ số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn 26mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	1.560,0
157	Chỉ không tan số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Chỉ số 5/0, dài 75cm, kim tam giác. 3/8 vòng tròn DS 26mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	132,0
158	Chỉ không tan sinh học đa sợi số 0	Chỉ không tiêu đa sợi số 0 Chỉ dài 75cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn, Chiều dài kim 37mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương, Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	24,0
159	Chỉ không tan sinh học đa sợi số 2/0, không kim	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 dài 75cm không kim. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	60,0
160	Chỉ không tan sinh học đa sợi số 2/0	Chỉ không tiêu đa sợi số 2/0, Chỉ dài 75cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn. Chiều dài kim 26mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương, Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	288,0
161	Chỉ không tan sinh học đa sợi số 3/0, không kim	Chỉ không tan tự nhiên 3/0, không kim. dài 75cm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	60,0
162	Chỉ không tan sinh học đa sợi số 3/0	Chỉ không tiêu đa sợi số 3/0 Chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, Chiều dài kim 26mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương, Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	432,0
163	Chỉ thép phẫu thuật	Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Chi tiết. Cỡ chỉ USP: 7 Chiều dài chỉ (cm): 60 Hình kim: Reverse Cutting Loại kim: Tam giác Chiều dài kim (mm): 120 Vòng kim: 1/2 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Tép	60,0
164	Chỉ Caresorb (polyglactin 910) hoặc tương đương	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Caresorb Rapid (Polyglactin 910). Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Chỉ dài 100cm. Kim tam giác thăm mỹ 3/8C đầu tròn, dài ≥17 mm. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	24,0
165	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại trắng gương. Thân kim không rãnh. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	120,0
166	Chỉ tan chậm sinh học số 1/0	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic catgut số 1 dài 75cm, kim tròn 1/2C vòng tròn, chiều dài 40mm Kim thép 300, 302 phủ silicone. Đóng gói tiệt trùng sẵn. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Sợi	840,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
167	Chỉ tan chậm sinh học số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic catgut số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C vòng tròn, chiều dài 40mm. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Đóng gói tiết trùng sẵn. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	840,0
168	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1. Chỉ dài 90 cm. kim tròn. 1/2 vòng tròn HR40mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Thân kim không rãnh. Tiết trùng bằng Ethylene oxyde. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Tép	2.700,0
169	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0. Chỉ dài 70cm. kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Thân kim không rãnh. Tiết trùng bằng Ethylene oxyde * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	2.196,0
170	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0. Chỉ dài 70cm. kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Thân kim không rãnh. Tiết trùng bằng Ethylene oxyde * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	408,0
171	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0. Chỉ dài 70cm. kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm. Kim làm bằng thép không gỉ, loại trắng gương. Thân kim không rãnh. Tiết trùng bằng Ethylene oxyde * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	492,0
172	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm. kim tròn, dài 20 mm 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 loại trắng gương * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	48,0
173	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone được cấu thành 100% từ Poly (n-dioxanone), số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm. - Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	200,0
174	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi PDS số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone được cấu thành 100% từ Poly (n-dioxanone), số 5/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 13mm 3/8 vòng tròn. -Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Tép	200,0
175	Miếng dán điện xung	+ 1 cặp 2 miếng + Chất liệu: Silicone + Gel + Tự dính, độ dính cao, tái sử dụng được nhiều lần. Tuổi thọ cao. Tương thích sinh học, chống khô. Không có điểm nóng. Sử dụng với dây xung có đầu cắm dạng kim Kích thước: Hình chữ nhật (6cm x 9cm) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cặp	1.000,0
176	Spongel cầm máu	Spongel cầm máu đã tiết trùng được tẩm chất colloidal bạc. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Gói	12,0
177	Hộp đựng vật sắc nhọn 1,5 lít	Hộp đựng vật sắc nhọn 1,5 lít được làm bằng chất liệu nhựa HDPE. Đầy đủ tem nhãn theo quy định. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	1.500,0
178	Hộp đựng vật sắc nhọn 6,8 lít	Hộp đựng vật sắc nhọn 6,8 lít được làm bằng chất liệu nhựa HDPE. Đầy đủ tem nhãn theo quy định. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	1.000,0
179	Bàn chải phẫu thuật	Thân bàn chải được sản xuất từ nhựa. Có thể hấp ở nhiệt độ 80 độ C đến 121 độ C. Có thể sử dụng nhiều lần. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	300,0
180	Bao camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, có vòng nhựa - Kích thước: 150mm x 250cm - Đóng gói: Tiết trùng sẵn. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	1.500,0
181	Lưỡi dao mổ các số	Chất liệu thép không gỉ Kích cỡ gồm nhiều số 10, 11, 12,15,20. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	10.000,0
182	Dây cưa phẫu thuật xương	Dây cưa phẫu thuật xương. *Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	20,0
183	Túi đựng bệnh phẩm tiết trùng (size S)	Chất liệu: Màng nhựa PVC. Tiết trùng bằng OE. 1 cái/ gói. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	150,0
184	Lam kính nhám	Lam kính có cạnh mài mờ Kích thước: 25,4 x 76,2mm Độ dày: 1 - 1,2mm. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Hộp	600,0
185	Lamen kính hiển vi	Lamen kính hiển vi 22x22mm (lammel) Kích thước: 22 x 22mm Độ dày: 0,16 - 0,19mm * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Miếng	10.000,0
186	Dầu soi kính	+ Dầu dùng trong soi kính hiển vi quang học, soi ở vật kính 100x. + Thể tích :100ml /chai . + Xuất xứ: Châu Âu * Tiêu chuẩn chất lượng :ISO 13485 ,CE -IVD/FDA .	Lọ	5,0
187	Bộ rửa dạ dày các cỡ	Chất liệu: Mù cao su tự nhiên Size: 28mm (Lớn) & 22mm (Nhỏ) * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Bộ	200,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
188	Bộ nẹp gỗ các cỡ	Chất liệu: Gỗ Kích thước các cỡ: Dài 1,2m x 8cm x 0,5 cm; dài 1,0m x 8cm x 0,5 cm; dài 80cm x 8cm x 0,5 cm; dài 60cm x 8cm x 0,5 cm; dài 40cm x 8cm x 0,5 cm; dài 30cm x 8cm x 0,5 cm; dài 20cm x 8cm x 0,5 cm. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Bộ	80,0
189	Nẹp vải căng bàn tay các cỡ	Nẹp vải căng bàn tay các cỡ. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	200,0
190	Nẹp tay gân duỗi các cỡ	- Nẹp căng tay gân duỗi các cỡ (Trái-Phải). - Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông, băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	30,0
191	Dai cột sống thắt lưng thấp	Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. * Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	10,0
192	Nẹp căng chân dai các cỡ	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông, Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 80-95cm tương ứng các size. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
193	Nẹp nhôm ngón tay ngắn	- Chất liệu nhôm, có thể uốn cong cho tương thích với ngón tay bệnh nhân. - Sử dụng được tất cả các ngón. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
194	Nẹp vải căng chân chống xoay	Bao gồm một miếng mouse dệt kim dày 5mm, 2 mặt vải, 1 thanh nhôm LA3 ngang 3cm dài 45cm để giữ cổ chân một góc 90 độ, và 3 khoen nhựa dẻo 3F8. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
195	Dai Desault	Gồm nhiều kích cỡ, dùng cho bên trái và phải. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
196	Nẹp tay gân gấp	- Nẹp căng tay gân gấp (Trái-Phải). - Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông, băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	30,0
197	Bao cao su	Chất liệu: Cao su thiên nhiên, co giãn tốt. * Đạt tiêu chuẩn: TCCS/TCVN/ISO/CE hoặc các tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	20.000,0
198	Sample cup 0,5ml	Ống Sample Cup được làm từ vật liệu PS * Dung tích 0,5 ml màu sắc trong suốt * Túi 1000 chiếc * Sản phẩm được sử dụng nhiều trong các phòng thí nghiệm, xét nghiệm y tế. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Túi	5,0
199	Sample cup 2ml	Ống Sample Cup được làm từ vật liệu PS, thích hợp sử dụng trên máy miễn dịch tự động Access 2. Beckmancoulter của Bệnh viện đang sử dụng * Dung tích 2ml màu sắc trong suốt * Túi 1000 chiếc * Sản phẩm được sử dụng nhiều trong các phòng thí nghiệm, xét nghiệm y tế. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Túi	5,0
200	Khăn choàng xanh	Chất liệu bằng giấy, hình vuông dùng để choàng cổ cho bệnh nhân trong điều trị nha khoa. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Gói	15,0
201	Răng sứ Zirconia	- Có cấu thành từ lớp sườn bên trong và sứ phủ bên ngoài Zirconium - 100% chất liệu sứ Zirconia (ZrO2), công nghệ CAD/CAM (hoặc tương đương) trong quá trình thiết kế. - Phôi sứ zirconia. - Không đen đường viền lợi. - Tính tương hợp sinh học cao không gây ra bất cứ phản ứng phụ nào cho cơ thể, không gây viêm lợi và hôi miệng, không gây độc với cơ thể. - Làm từng răng đơn lẻ và có thể làm được những cầu răng dài và phức tạp. - Độ chính xác và khít sát với cùi răng cao. - Làm theo yêu cầu. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	100,0
202	Răng sứ Titan	Cấu tạo: Khung sườn và lớp men sứ phủ bên ngoài. Chất liệu khung sườn là Titanium khoảng từ 70% trở lên. Chất liệu lớp men sứ ngoài. - Lớp sứ phủ bên ngoài được sử dụng từ sứ có độ trong suốt cao đáp ứng tốt yêu cầu răng sứ có men răng như răng thật. - Độ chịu nóng răng sứ titan trên ≥ 1650 độ C, chịu lực ăn nhai lớn từ ≥ 260 MPa - ≥ 4000 MPa. - Có tính tương hợp sinh học cao - Làm theo yêu cầu. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	200,0
203	Răng tháo lắp Việt Nam	- Răng giả nhựa màu sắc răng chuẩn theo bảng màu Vita shade làm từ chất liệu Composite, không phải răng nhựa Acrylic. Độ phủ bóng và tạo lớp của răng rất Tự nhiên, mô phỏng răng thật, đảm bảo ăn nhai cho bệnh nhân. - Làm theo yêu cầu dùng trên nền hàm nhựa tháo lắp. - Sản xuất tại Việt Nam * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	300,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
204	Cùi giả Zirconia	- Cùi giả tái tạo cùi răng và mô chân răng liên kết với nhau. Cấu tạo: Khung sườn và vỏ sứ. Chất liệu khung sườn là Zirconia hoặc tương đương. - 100% chất liệu sứ Zirconia (ZrO ₂), công nghệ CAD/CAM (hoặc tương đương) trong quá trình thiết kế. - Phôi sứ zirconia. - Làm theo yêu cầu. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	50,0
205	Hàm khung liên kết	Hàm khung liên kết là hàm kim loại liên kết với sứ hoặc nhựa. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	50,0
206	Nền hàm nhựa dẻo	- Chất liệu nhựa dẻo. - Hàm nhựa dẻo là một dạng hàm tháo lắp, có cấu tạo gồm nền hàm bằng nhựa dẻo có chức năng nâng đỡ các răng giả được làm bằng sứ hoặc nhựa bên trên. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	50,0
207	Nền hàm nhựa cứng	- Chất liệu nhựa. - Hàm nhựa cứng là một dạng hàm tháo lắp, có cấu tạo gồm nền hàm bằng nhựa cứng có chức năng nâng đỡ các răng giả được làm bằng sứ hoặc nhựa bên trên. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	50,0
208	Bảng che mắt chiếu đèn vàng da trẻ sơ sinh	Bảng che mắt phù hợp với trẻ sơ sinh. * Thiết kế các size phù hợp. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
209	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường bằng PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. Có dây nối phụ phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch). - Áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5µV/v/mmHg. - Nhiệt độ hoạt động từ 15°C đến 40°C. - Trở kháng kích thích: >200 ohms - Trở kháng tín hiệu đầu ra: <3000 ohms - Độ lệch vị trí số không (Cân bằng Zero): ± 40mmHg - Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg, tùy theo giá trị nào lớn hơn trong phạm vi hoạt động. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Bộ	5,0
210	Kim luồn chọc động mạch theo kỹ thuật seldinger 20G/80mm	Bộ catheter động mạch để nối vào bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn được thiết kế dùng theo kỹ thuật seldinger bao gồm: kim có đường kính 20G dài 80mm chất liệu thép không gỉ màu đỏ, Canula đường kính 0,95G dài 50mm, dây dẫn đường 25cm chất liệu thép không gỉ, catheter chất liệu FEP màu đỏ, có khoá luer lock để cố định. * Tiêu chuẩn ISO.	Bộ	15,0
211	Bóng bóp máy thở	Bóng bóp silicon dùng cho máy gây mê các cỡ. - Kích thước: 500ml, 1000ml, 2000ml PN-3001 * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	20,0
212	Bóng xếp máy gây mê	Là phụ kiện máy gây mê giúp thở, bóng xếp bằng latex, đầu hình đĩa tròn bằng nhựa cứng, đường kính #15cm, đệm ốp viền bằng silicon, có khả năng chịu được khí nén, khí gây mê và chất diệt trùng, có thể tháo lắp dễ dàng. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Bóng	4,0
213	Dây gây mê co giãn người lớn, trẻ em	Bộ dây gây mê bao gồm: * Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc * Co nối Y có công lấy mẫu đo CO ₂ (22M/15F-22M): 01 chiếc * Ống dây vật liệu PP đường kính 22mm (người lớn), 15mm (trẻ em). Chiều dài co giãn 160cm, chiều dài gấp lại 68cm: 02 đoạn * Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	300,0
214	Bộ gây tê thần kinh ngoại vi	Kim Tuoly G18, dài 8cm cho hình ảnh rõ dưới siêu âm, catheter 20G với bộ phận hỗ trợ luồn catheter, bơm và kim tiêm, lọc, miếng dán lọc, nhãn dán, đầu kết nối. Có bộ phận để kích thích dây thần kinh. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Bộ	100,0
215	Miếng điện cực trung tính cho máy cắt đốt	- Đặc tính: Hydrogel có lớp keo dính, rất mềm tốt cho da. - Quy cách đóng gói: 1 gói 5 miếng. - Kích thước: 12cmx18cm * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Miếng	3.000,0
216	Dây đốt điện (nối với miếng điện cực)	Dây kết nối điện cực trung tính gồm 1 dây cáp dẫn điện, 1 đầu có rắc cắm vào máy, đầu còn lại được kẹp với bản cực. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO, CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Sợi	10,0
217	Dây đốt điện dùng 1 lần	Thiết bị được tiệt trùng, đóng gói từng cái. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Sợi	500,0
218	Vòng căng bao	Thúc đẩy mở rộng vòng của túi bao. • Ổn định các điều kiện trong suốt quá trình phẫu thuật. • Cải thiện sự định vị vùng trung tâm IOL. • Chống lại sự co rút của bao thể thủy tinh. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Cái	5,0
219	Vớ chân nylon cổ cao	Chất liệu bằng nylon chống thấm nước, có dây chun ở ống chân. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương.	Đôi	400,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
220	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC 14053	Chủng chuẩn có dạng viên đồng khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đồng khô có đôi thể hệ F1-F3 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
221	Chủng chuẩn Candida parapsilosis ATCC 22019	Chủng chuẩn có dạng viên đồng khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đồng khô có đôi thể hệ F1-F3 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
222	Kháng sinh Daptomycin 0.016 - 256 mg/L	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh (que E-test), gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Que	50,0
223	Kháng sinh Vancomycin 0.016 - 256 mg/L	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh (que E-test), gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Que	100,0
224	Kháng sinh Telavancin 0.016 - 256 mg/L	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh (que E-test), gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Que	50,0
225	Kháng sinh Colistin 0.016 - 256 mg/L	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh (que E-test), gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Que	100,0
226	Kháng sinh Teicoplanin 0.016 - 256 mg/L	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh (que E-test), gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Que	100,0
227	Kháng sinh Cefazolin 30µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	150,0
228	Kháng sinh Ceftriaxone 30µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	150,0
229	Kháng sinh Cefotetan 30µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	150,0
230	Doripenem 10µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	150,0
231	Kháng sinh Imipenem- relebactam 10/25µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	250,0
232	Kháng sinh Ceftazidime - avibactam 30/20 µg	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	250,0
233	Đo độ đục chuẩn 0.5 McFarland	Kiểm soát chất lượng để kiểm tra và điều chỉnh mật độ của huyền dịch vi khuẩn. Tiêu chuẩn độ đục 0.5 McFarland cung cấp mật độ quang học có thể so sánh với mật độ của huyền phù vi khuẩn với đơn vị hình thành khuẩn lạc $1,5 \times 10^8$ (CFU / ml). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Ống	5,0
234	Môi trường KIA	Tube/ống nhựa có nắp vận chuyển có chứa 4-6 ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, đề mục (Enterobacteriaceae). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Tuýp	100,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
235	Môi trường chuyển chờ	Môi trường vận chuyển được cải thiện, bổ sung than để kéo dài khả năng sống sót của các sinh vật gây bệnh. Thể tích: 3ml dung dịch/tuýp	Tuýp	100,0
236	Thạch BA (Blood agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Độ dày thạch: 4 ± 0.5mm. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α, β, γ) của Streptococcus. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Đĩa	3.000,0
237	Thạch MC (Mac-Conkey agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Độ dày thạch: 4 ± 0.5mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương	Đĩa	3.000,0
238	Thạch MHA (Mueller - Hinton agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Độ dày thạch: 4 ± 0.5mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương	Đĩa	500,0
239	Môi trường BMHA (Blood Mueller - Hinton agar)	Môi trường Mueller Hinton Agar với 5% Sheep Blood. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	150,0
240	Thạch CHROM agar Enterobacteriace	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiêu. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Đĩa	200,0
241	Thạch CAXV (Chocolate agar X,V)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Đĩa	1.000,0
242	Thạch SB(Sarbouraud Agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm (nấm men, nấm mốc). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Đĩa	300,0
243	Thạch MSA (Mannitol Salt Agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Staphylococcus. Phân biệt khả năng lên men mannitol. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Đĩa	100,0
244	Môi trường BHI Broth	Lọ thủy tinh có nắp vận chứa 3ml môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Lọ	50,0
245	Dung dịch Anti A	Dung dịch chứa kháng thể chống A. Dùng trong định nhóm máu hệ ABO Thể tích: ≥ 10 ml/lọ Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Lọ	100,0
246	Dung dịch Anti B	Dung dịch chứa kháng thể chống B. Dùng trong định nhóm máu hệ ABO Thể tích: ≥ 10 ml/lọ Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Lọ	100,0
247	Dung dịch Anti D	Dung dịch chứa kháng thể chống lại yếu tố D. Dùng trong định nhóm máu hệ Rhesus Thể tích: ≥ 10 ml/lọ Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Lọ	100,0
248	Dung dịch Anti AB	Dung dịch chứa kháng thể chống AB. Dùng trong định nhóm máu hệ ABO Thể tích: ≥ 10 ml/lọ Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Lọ	50,0
249	Dung dịch LISS (Low ionic strength saline)	Dung dịch nước muối nồng độ ion thấp, làm tăng nhanh tốc độ phản ứng liên kết giữa kháng nguyên - kháng thể. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương.	Lọ	36,0
250	Dung dịch AHG (Anti Human Globulin)	Kháng thể kháng globulin người. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ Tiêu chuẩn: ISO, FDA, CE hoặc tương đương	Lọ	36,0
251	Thẻ định nhóm máu ABO+D	- Thẻ giấy định nhóm máu, dùng để xác định nhóm máu hệ ABO: + Anti-A (dòng A003), ngưng kết mạnh với hồng cầu A1, A2, A1B, A2B. + Anti-B (dòng B005), ngưng kết mạnh với hồng cầu B, A1B, A2B + Anti-D (dòng BS226) + Chất ổn định: ≤ 0.1% NaN3, và/hoặc các hợp chất khác nếu có (không gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm). - Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% - Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100% - Kháng thể đơn dòng phát hiện được kháng nguyên trong hồng cầu A yếu: A3, Ax - Có vị trí/ khoảng trống để điền, ghi thông tin bệnh nhân, mã số, ... - Bộ sản phẩm bao gồm que khuấy; có chất bảo quản tiêu chuẩn trong từng test xét nghiệm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA / CE-IVD hoặc tương đương.	Test	4.000,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
252	Test nhanh HIV 1/2 Ab	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và mẫu toàn phần. Hoạt chất chính: Kháng nguyên tái tổ hợp HIV, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1 (gp41, p24), kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2 (gp36). - Độ nhạy tương quan: 100%, - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99.80\%$, - Độ chính xác: $\geq 99.90\%$, - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính: HBsAg, Anti-Syphilis, Anti-HCV, Anti-RF, Anti-Rubella IgG Không bị nhiễu bởi các chất: Creatine 200 mg/dL, Bilirubin 1g/dL, Caffeine 20 mg/dL Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc H/V/AIDS của BYT Việt Nam. Xuất xứ: Châu Âu/ Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE/ FDA hoặc tương đương	Test	5.000,0
253	Test nhanh HAV -Ab	Sử dụng phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người Thành phần: Kháng thể chuột kháng IgM của người, Kháng nguyên HAV tái tổ hợp, Kháng thể dê kháng IgG chuột - Độ nhạy $\geq 95.20\%$, - Độ đặc hiệu $\geq 99.00\%$ - Độ chính xác: 98.20% Không bị gây nhiễu bởi các chất có nồng độ tương ứng sau: Hemoglobin 1000 mg/dL, Methanol 10%, Albumin 2000 mg/dL Không bị phản ứng chéo với các mẫu phẩm dương tính với HIV, F-CV, HBV, HEV. Xuất xứ: Châu Âu/ Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO /CE hoặc tương đương	Test	1.000,0
254	Test nhanh Helicobacter pylori Ab	- Test nhanh Helicobacter pylori dạng khay - Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương. - Đặc điểm hiệu suất: + Độ nhạy: $\geq 99.50\%$ + Độ đặc hiệu: $\geq 99.50\%$ + Độ chính xác: $\geq 99.70\%$ - Xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy ngang dựa trên nguyên tắc của kỹ thuật kẹp kháng nguyên kép. Bao gồm: + Miếng liên hợp màu do tia có chứa các kháng nguyên H. pylori bao gồm Cag-A được liên hợp với vàng keo (H. pylori liên hợp) và một kháng thể đối chứng được liên hợp với vàng keo. + Một dải màng nitrocellulose chứa một vạch kiểm tra (vạch T) và vạch đối chứng (vạch C). + Vạch T được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori không liên hợp và vạch C được phủ sẵn kháng thể dòng đối chứng. - Đọc kết quả sau 15 phút. - Bảo quản dưới dạng đóng gói trong túi kín ở nhiệt độ 2°C~30°C và độ ẩm tương đối trong khoảng 40%-60% Xuất xứ: Châu Âu/ Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	Test	200,0
255	Test nhanh FOB	- Test nhanh FOB dạng khay - Mẫu bệnh phẩm: Mẫu phân rắn, mẫu phân lỏng. - Đặc điểm hiệu suất: + Độ nhạy: $\geq 99.40\%$ + Độ đặc hiệu: 100% + Độ chính xác: $\geq 99.80\%$ - Xét nghiệm miễn dịch dòng chảy bên, định tính để phát hiện Máu Người trong phân. - Màng được phủ trước bằng kháng thể kháng huyết sắc tố trên vùng vạch thử nghiệm của xét nghiệm. - Mẫu thử phản ứng với hạt được phủ kháng thể kháng huyết sắc tố. - Xét nghiệm dạng kẹp kháng thể kép để phát hiện có chọn lọc Máu ẩn trong phân ở nồng độ 50 ng/ml trở lên hoặc 6 µg/g phân. - Đọc kết quả sau 5 phút sau khi lấy mẫu. - Bảo quản dưới dạng đóng gói trong túi niêm phong tại nhiệt độ 2°C~30°C và độ ẩm tương đối từ 40%-60% Xuất xứ: Châu Âu/ Hàn Quốc/ Nhật Bản/ Hoa Kỳ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	Test	600,0
256	Bột ngâm làm sạch và tiệt khuẩn dụng cụ y tế	Bột hòa tan tẩy rửa dụng cụ chứa enzyme Protease và 2,75% Didecyl Dimethylammonium Chloride pH kiềm (trong nước cứng): 10.3, hoạt động trên cấu trúc bên trong của màng sinh học, làm tăng hoạt tính tẩy rửa, không ăn mòn dụng cụ, không nhờn. * Có khả năng chuyển từ thời nước cứng thành nước mềm, ức chế hình thành cặn và ngăn ngừa hình thành màng sinh học. Quy cách: Thùng 5kg. * Khả năng phân hủy sinh học hoàn toàn, không độc hại, không chứa Aldehyde-Chlorine-Phenols. * Hiệu quả diệt khuẩn đạt 99,99999 % (7 log). *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương	Thùng	140,0
257	Cloramin B	Hàm lượng 25% - 27% *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương	Kg	50,0

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
258	Acid Citric	Hàm lượng >99% Đóng gói: 50 kg/ thùng * Đạt các tiêu chuẩn : CE/ISO hoặc tương đương	Kg	700,0
259	Muối tinh khiết	Hàm lượng NaCl: 99% *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương	Kg	350,0
260	Clotest	Hộp 50 ống rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy Quy cách đóng gói: Hộp/ 50 test * Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Test	3.600,0
261	Formalin (10% Neutral Buffered)	- Bộ đệm trung tính, là chất cố định mô học. - Dung dịch dạng lỏng không màu, có mùi cay nồng đặc trưng của Formaldehyde. - Trọng lượng riêng: 1.02 - Độ pH= 6.8-7.2 - Nhiệt độ sôi: 100 độ C - Thành phần gồm có: Nước 94-95%; Formaldehyde 37% : > 4%; Natri photphat: <1%; Methyl alcohol: 1,2%. - Quy cách đóng gói: Chai 1000 ml (1 lít) *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Chai	80,0
262	Dung dịch sát khuẩn da chứa 7,5% povidone iodine	Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật, chứa 7,5% kl/kl povidone iodine (với nồng độ iodine tự do 10%) chai 500ml. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO.	Chai	750,0
263	Dung dịch KOH 10%	Lọ có chứa 2ml thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (MRVP) hoặc đĩa giấy sinh hóa (VP) để thực hiện thử nghiệm Voges – Proskauer (VP). - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Lọ	20,0
264	Nước tẩy trắng quần áo	- Dung dịch tẩy màu và sát trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Lít	120,0
265	Nẹp Titanium	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Độ dày ≤ 2.2mm - Chiều dài nẹp từ 13 đến ≥22mm - Góc nghiêng khi bắt vít: từ -0° đến ≥ 20° - Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA.	Cái	4,0
266	Đĩa đệm thường PEEK và Titanium	- Vật liệu: PEEK và Titanium - Hai bề mặt có răng - Số điểm đánh dấu cân quang: ≥3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng tối thiểu có 02 cỡ 11mm, 14mm, 15mm - Chiều cao tối thiểu có các cỡ 5, 6, 7, 8,9,10,11,12,13mm - Chiều sâu: 12mm - Độ ưỡn: ≥ 0 độ - Dung tích khoang ghép xương. - Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA.	Cái	2,0
267	Vít Titanium	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Đầu vít tự khoan - Có tối thiểu hai loại đường kính: ≤ 4,5 mm - Chiều dài tối thiểu có các cỡ 13, 14,15,16,17,18mm. - Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA.	Cái	8,0
268	Clip mạch máu cỡ lớn (400 mm) bằng titanium	Chất liệu Titanium. Trên mỗi clip tại vị trí kẹp mạch máu có các rãnh nhỏ. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE.	Cái	180,0
269	Lưới điều trị thoát vị 6cm x 11cm	*Lưới được làm từ chất liệu phẫu thuật đơn sợi polypropylene tương thích sinh học. Lưới có độ trong suốt cao giúp dễ quan sát mô trong quá trình phẫu thuật. * Độ co giãn tốt, linh hoạt, ít gây ra phản ứng với cơ thể. * Đạt tiêu chuẩn tối thiểu: ISO/CE.	Cái	24,0

